

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ 30**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử

dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tham gia hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng thực hiện

Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ lãi suất vay vốn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt, đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật để phục vụ vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt đến các huyện miền núi, khu kinh tế và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Có vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt, đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh và sử dụng đúng mục đích vốn vay.

c) Phương tiện xe buýt đầu tư phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe), bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

d) Đảm bảo các quy định hiện hành về hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Được tính theo tổng số tiền vay nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Mức hỗ trợ lãi suất: Bằng 70% lãi suất phải trả thực tế trong hạn mức theo thời gian hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Thời hạn hỗ trợ: Theo thời hạn hợp đồng vay vốn của tổ chức tín dụng nhưng tối đa hỗ trợ không quá 60 tháng.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Các tuyến xe buýt nội tỉnh đến các huyện miền núi, gồm: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng.

b) Các tuyến xe buýt nội tỉnh đến các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Mức hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Hỗ trợ 20% giá vé/ghế thiết kế/lượt xe theo giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Thời hạn hỗ trợ kinh phí hoạt động các tuyến xe buýt quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo thời hạn hợp đồng khai thác tuyến do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết với đơn vị kinh doanh vận tải.

Điều 6. Miễn, giảm giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Miễn giá vé cho các đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt:

a) Trẻ em dưới 6 tuổi;

b) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

c) Thương bệnh binh;

d) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

đ) Anh hùng lao động;

e) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

g) Người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

2. Giảm 50% giá vé cho các đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt:

a) Học sinh, sinh viên, học viên là công dân Việt Nam đang học tại các trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có thời gian học từ 09 tháng trở lên;

b) Người khuyết tật (trừ người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng);

c) Người cao tuổi (theo Luật người cao tuổi).

3. Giảm 20% giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt là công nhân đi lại làm việc tại các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 30 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 06 tháng 01 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, KTNS (01), tvd180.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân